

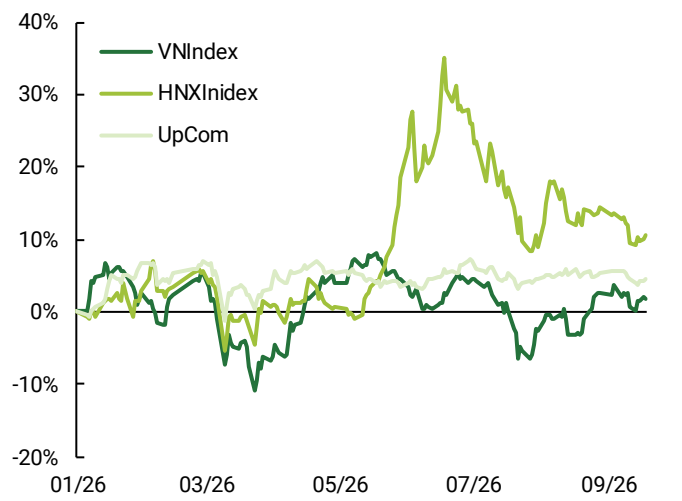
VN-Index **1815.66 (-0.39%)**
 939 Tr. cổ phiếu 26038.7 Tỷ VND (44.30%)

HNX-Index **275.29 (0.51%)**
 43 Tr. cổ phiếu 583.8 Tỷ VND (-33.68%)

UPCOM-Index **126.4 (0.19%)**
 70 Tr. cổ phiếu 651.9 Tỷ VND (53.44%)

VN30F1M **1970.00 (-0.35%)**
 205,501 HD OI: 29,607 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1815.7, giảm -7.1 điểm (-0.39%). Thanh khoản tăng với độ rộng thu hẹp ở phía mua. Đà giảm ghi nhận ở VN30 trong khi HNXIndex tăng điểm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Hoạt động cơ cấu danh mục của các quỹ ETF trong phiên ATC chi phối đáng kể diễn biến giao dịch. Lực bán gia tăng mạnh trong ATC khiến nhiều cổ phiếu điều chỉnh sâu.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Tài nguyên Cơ bản: PTB (+1.2%), HPG (+1.7%), DHC (+2.1%) | Dịch vụ tài chính: VIX (+2.3%), VND (+2.7%), VCI (+3.3%) | Xây dựng và Vật liệu: EVG (+2.2%), FCN (+2.8%), CDC (+3.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: APH (+1.0%), VSC (+1.1%), GEX (+3.8%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: KOS (-4.2%), DXG (-1.8%), VRE (-1.2%) | Ngân hàng: ACB (-4.0%), CTG (-3.7%), TCB (-3.2%) | Dầu khí: BSR (-1.6%), PLX (-1.1%), PVD (-0.3%) | Hóa chất: GVR (-0.9%), AAA (-0.5%), PHR (-0.5%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | STB, HPG, VCB, VCK, SSB - Chiều giảm | CTG, VPL, TCB, BID, MBB.
- Khối ngoại Mua ròng hơn 1200 tỷ đồng, tập trung nhiều ở HPG, PNJ, SHB, trong khi bán ròng VIC, TCB, CTG.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** đóng cửa trong sắc đỏ, phủ định hoàn toàn đà tăng trong phiên và hình thành mẫu hình nến gần với Dark Cloud Cover. Tuy nhiên, diễn biến cuối phiên chịu ảnh hưởng đáng kể từ hoạt động cơ cấu danh mục của các quỹ ETF, do đó cần theo dõi thêm phản ứng tiếp theo để đánh giá trạng thái thực sự của thị trường. Xét riêng mặt kỹ thuật, chỉ số đã thất bại trong việc bứt phá ngưỡng cản 1840 điểm. Đây vẫn là điều kiện quan trọng để xác nhận đà tăng. Diễn biến suy yếu hiện tại cho thấy chỉ số nhiều khả năng cần hạ nhiệt và củng cố thêm nền giá quanh vùng 1800–1830 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục giằng co quanh khu vực 270 – 275 điểm. Cần thêm nến tăng vượt ngưỡng 280 để xác nhận mẫu hình hồi phục. Trái lại, nếu giá quay lại mất mốc 270, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 260 điểm.
- **Chiến lược:** Nhà đầu tư nên quản trị danh mục theo tín hiệu riêng của từng cổ phiếu trước bối cảnh phân hóa. Nếu xuất hiện mã sập gãy, có thể tận dụng nhịp hồi để hạ bớt vị thế. Ngược lại, với những cổ phiếu vẫn giữ được các ngưỡng hỗ trợ quan trọng, có thể tiếp tục nắm giữ. Ở chiều mua mới, chỉ phù hợp khẩu vị rủi ro cao và ưu tiên giao dịch ngắn hạn theo dòng tiền. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Dầu khí, Hóa chất.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi BVH (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,815.7 ▼	-0.4%	1.1%	4.8%	26,038.7 ▲	44.3%	52.9%	73.4%	939.1 ▲	21.7%	34.2%	69.2%				
HNX-Index	275.3 ▬	0.5%	1.0%	-2.5%	583.8 ▼	-33.7%	-35.8%	-29.9%	42.5 ▼	-17.5%	-22.5%	-10.0%				
UPCOM-Index	126.4 ▬	0.2%	-0.1%	-0.8%	651.9 ▲	53.4%	-31.0%	28.8%	69.7 ▲	195.1%	1.7%	168.3%				
VN30	1,964.2 ▼	-0.5%	1.4%	4.7%	18,649.7 ▲	71.5%	86.1%	118.3%	476.3 ▲	43.9%	54.2%	94.4%				
VNMID	1,890.0 ▬	0.8%	0.8%	-1.1%	5,992.7 ▲	2.2%	-0.7%	9.8%	310.6 ▬	0.8%	-2.1%	25.9%				
VNSML	1,232.8 ▬	0.4%	0.8%	-1.3%	986.4 ▲	16.0%	46.7%	47.1%	76.9 ▲	10.3%	26.0%	50.8%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	635.2 ▼	-1.1%	2.34%	2.7%	8,180.9 ▲	52.2%	41.6%	71.6%	328.9 ▲	40.9%	31.8%	56.1%				
Bất động sản	1,027.9 ▼	-0.1%	-0.8%	13.5%	6,097.2 ▲	125.4%	73.4%	95.5%	119.1 ▲	25.4%	23.5%	34.7%				
Dịch vụ tài chính	275.3 ▲	1.0%	1.4%	-2.2%	3,116.3 ▲	15.5%	30.7%	53.4%	172.9 ▲	15.4%	23.6%	52.2%				
Công nghiệp	229.7 ▬	0.7%	2.9%	-1.2%	959.1 ▼	-20.4%	-17.8%	8.7%	38.3 ▼	-24.2%	-20.5%	9.1%				
Tài nguyên cơ bản	474.8 ▲	1.4%	0.9%	2.1%	893.0 ▲	61.8%	55.8%	68.9%	46.8 ▲	61.4%	48.5%	61.9%				
Xây dựng - Vật Liệu	153.6 ▬	0.2%	0.6%	-2.1%	313.8 ▼	-15.2%	-17.8%	-16.8%	20.4 ▼	-19.9%	-18.9%	-13.7%				
Thực phẩm	495.8 ▼	0.0%	1.4%	1.0%	1,483.3 ▲	40.5%	49.3%	51.4%	26.9 ▲	10.2%	15.9%	12.0%				
Bán Lẻ	1,386.9 ▼	-0.2%	2.3%	-3.9%	383.7 ▼	-55.7%	-51.8%	-30.9%	8.3 ▼	-27.2%	-35.7%	-3.7%				
Công nghệ	386.5 ▼	-3.2%	-1.2%	3.6%	1,440.1 ▲	143.5%	103.0%	157.8%	19.9 ▲	139.8%	60.1%	97.4%				
Hóa chất	167.9 ▼	-0.4%	3.8%	1.7%	331.8 ▼	-8.4%	-19.4%	-5.4%	12.9 ▼	-14.0%	-25.2%	-2.3%				
Tiện ích	777.9 ▼	0.0%	4.0%	2.8%	298.3 ▼	-7.4%	-20.7%	-3.7%	11.9 ▲	37.7%	-12.0%	-7.8%				
Dầu khí	118.2 ▼	-1.4%	8.4%	7.5%	892.3 ▼	-19.3%	-16.19%	42.4%	31.7 ▼	-16.8%	-14.7%	37.6%				
Dược phẩm	387.0 ▬	0.8%	1.0%	0.1%	124.0 ▲	21.8%	-10.4%	93.0%	3.7 ▲	15.1%	-26.1%	40.7%				
Bảo hiểm	106.9 ▼	-0.8%	5.9%	1.6%	49.5 ▼	-36.6%	-35.5%	24.2%	0.8 ▼	-35.9%	-33.6%	12.4%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,815.7 ▼	-0.39%	1.7%	13.8x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,584 ▬	0.05%	25.8%	15.0x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,441 ▼	-0.33%	-25.5%	14.4x	1.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,412 ▼	-0.02%	0.9%	14.9x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,856 ▼	-1.72%	-3.3%	8.8x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,912 ▬	0.94%	-1.4%	16.8x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	24,751 ▬	0.60%	-3.4%	12.0x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	65,019 ▲	1.38%	29.2%	20.4x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,638 ▲	1.14%	11.6%	26.2x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	51,778 ▬	0.61%	7.7%	22.6x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,718 ▼	-0.91%	7.9%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,258 ▼	-1.03%	8.0%	17.2x	2.5x
DXV		100.5 ▬	0.26%	2.2%		
USDVND		26,015 ▬	0.046%	-1.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

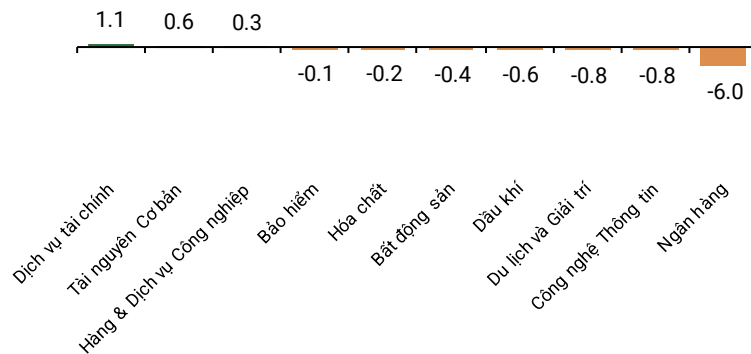
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.47%	13.5%	69.7%	53.1%
Dầu WTI	▼	-0.52%	19.4%	76.6%	59.5%
Khí gas	▼	-1.5%	2.9%	-22.5%	-2.8%
Than cốc (*)	▬	0.0%	26.6%	48.6%	54.0%
Thép HRC (*)	▼	-0.3%	1.5%	1.4%	-3.5%
PVC (*)	▼	-3.2%	0.3%	2.7%	-4.6%
Phân Urea	▬	0.0%	16.5%	22.8%	13.1%
Cao su thiên nhiên	▼	-1.0%	5.3%	31.6%	38.8%
Bông Cotton	▼	-0.2%	-6.9%	21.8%	20.1%
Đường	▬	0.3%	0.0%	16.4%	13.6%
World Container Index	▬	0.5%	3.7%	103.4%	135.2%
Baltic Dirty tanker Index	▲	3.3%	64.7%	261.3%	315.4%
Vàng	▬	0.76%	0.9%	1.3%	20.0%
Bạc	▲	2.45%	5.5%	-6.8%	59.8%

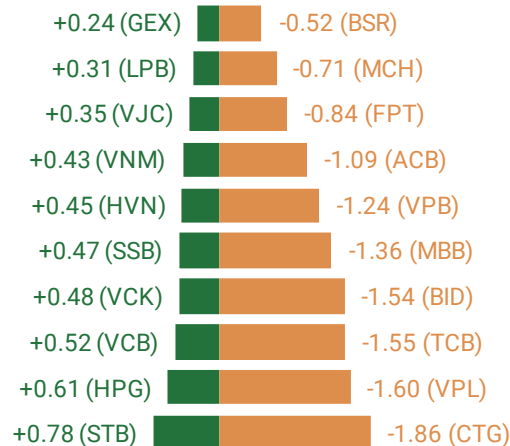
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

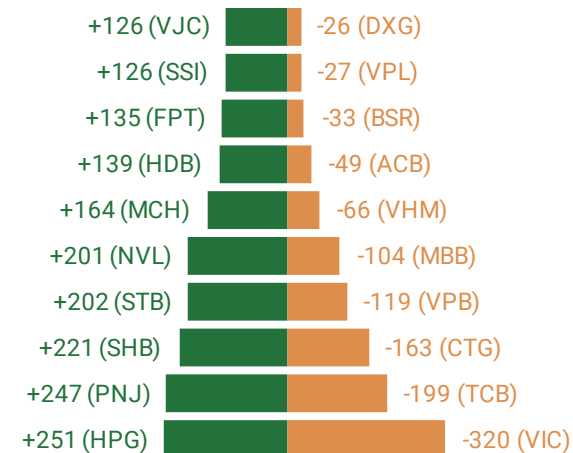
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



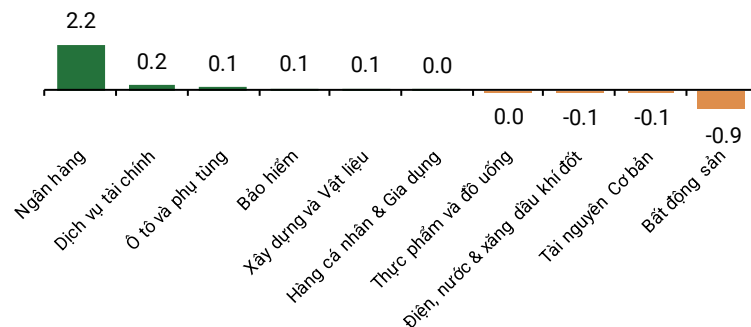
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



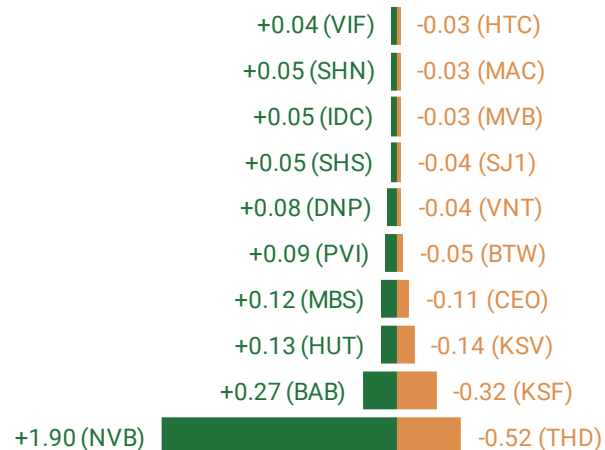
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



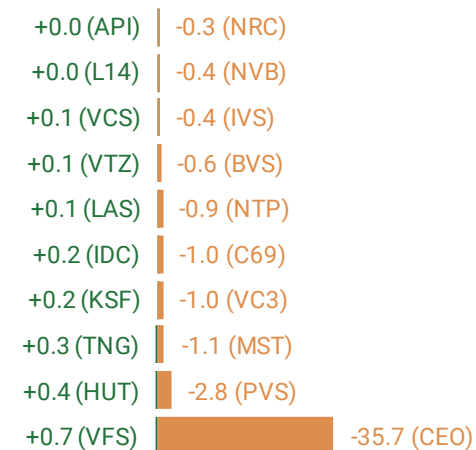
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



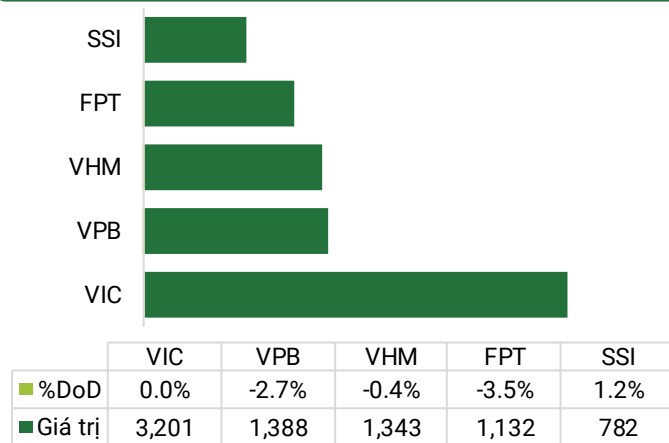
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



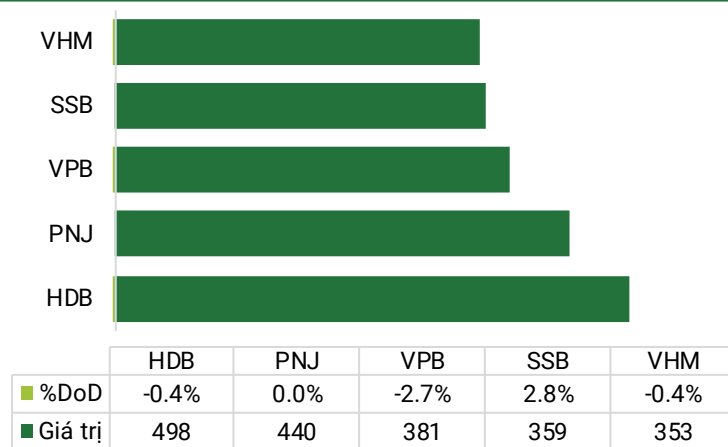
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

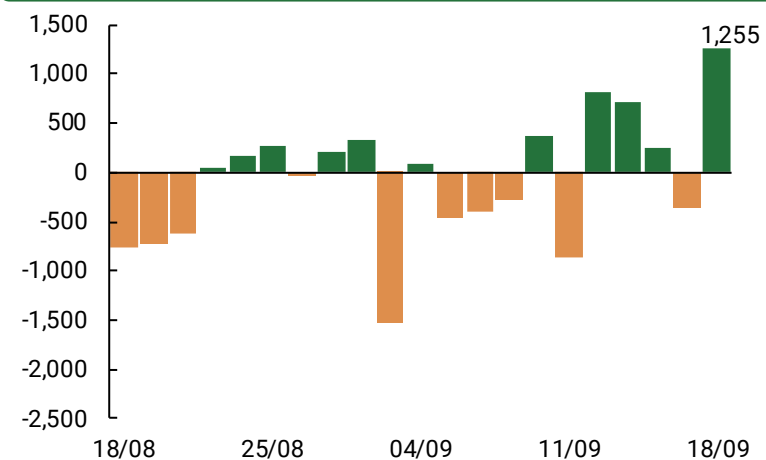


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

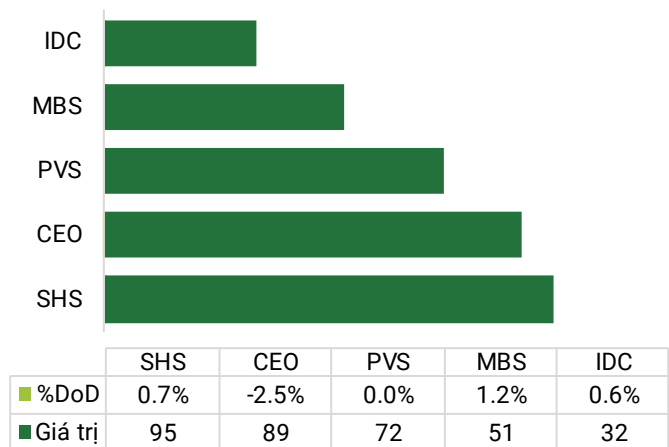


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

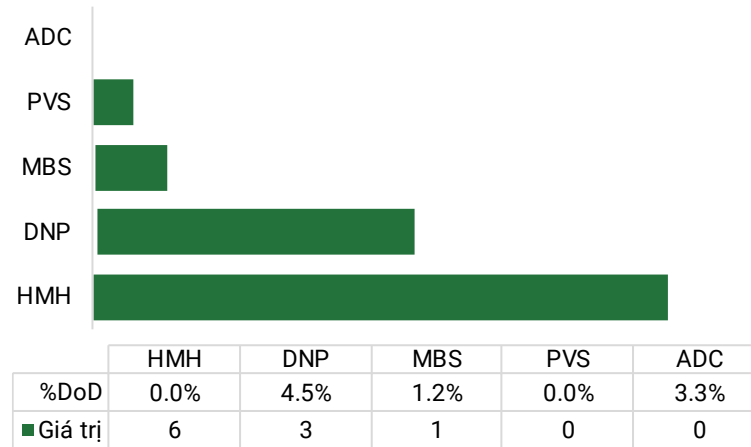
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



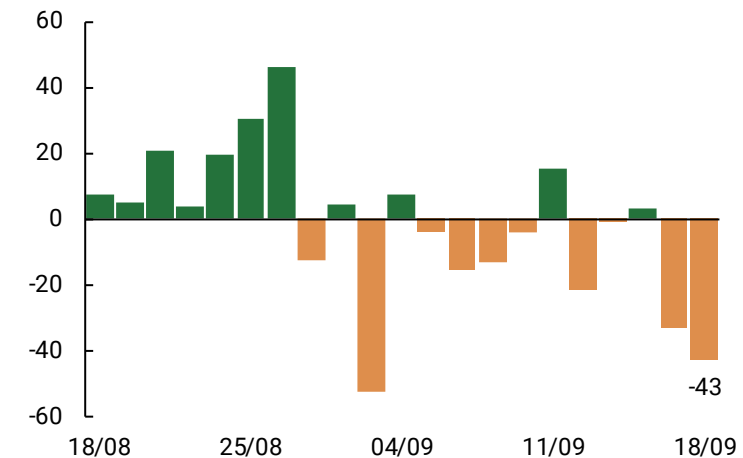
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến đỏ thân lớn, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 | 1770.
- ✓ Kháng cự: 1840 | 1900.
- ✓ MACD, RSI cải thiện nhưng chưa xác nhận.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố đà đi lên.

Kịch bản: Chỉ số thất bại trong nỗ lực bứt phá ngưỡng 1840 điểm. Điều này cho thấy khu vực 1830–1840 tiếp tục giữ vai trò kháng cự quan trọng. Nếu bứt phá thành công, VN-Index có thể thoát khỏi nhịp điều chỉnh và hướng tới ngưỡng tâm lý 1900 điểm. Tuy nhiên, với diễn biến hiện tại, vận động khả năng cần hạ nhiệt, củng cố thêm nền giá quanh vùng 1800 – 1830 điểm, đi kèm trạng thái rung lắc.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến đỏ thân lớn, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1860 | 1920
- ✓ Kháng cự: 1990 | 2050.
- ✓ MACD, RSI cải thiện nhưng chưa xác nhận.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố đà đi lên.
- ✓ **Kịch bản:** Chỉ số thất bại trong nỗ lực bứt phá vùng cản 1990 điểm, cho thấy vận động khả năng cần hạ nhiệt củng cố lại đà. Theo đó, trạng thái có thể trở lại rung lắc quanh vùng 1950 – 1980 điểm. Nếu bứt phá thành công, mục tiêu kháng cự cao hơn là ngưỡng 2050 điểm. Chiều ngược lại, hỗ trợ duy trì xu hướng bên dưới quanh mức 1920 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	BVH	WATCH	Current price	68.50	P/E (x)	17.2
Exchange	HOSE		Watch zone	66.5 - 67.5	P/B (x)	2.0
Sector	Life Insurance		Target price	74	EPS	3976.5
			Cut loss price	63.5	ROE	12.1%
					Stock Rating	BB
					Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên ngưỡng MA20, 50 ngày.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền cải thiện.
 - Chỉ báo MACD duy trì trên đường signal, cùng với RSI vận động trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
- ➔ Xu hướng giá đã vượt vùng cản 68 và đang hạ nhiệt kiểm định.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá điều chỉnh về khu vực 66.5 – 67.5, nếu phản ứng kiểm định tốt có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	BVH	Theo dõi	21/09/2026	68.50	66.5 - 67.5	-	74	10.4%	63.5	-5.2%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	PLX	Mua	15/09/2026	-	37.4	36.2 - 36.7	2.6%	40	9.7%	34.6	-5.1%	
2	PVD	Mua	15/09/2026	-	19.2	19.2 - 19.5	-0.8%	21.5	11.1%	18.3	-5.4%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1970, giảm 7.0 điểm (-0.4%). Giá giao dịch phần khởi trong phiên sáng nhưng đã đảo chiều về cuối phiên, đặc biệt lực bán mạnh trong ATC.
- Ở đồ thị 1 giờ**, giá tạo mẫu hình nền giảm Marubozu, bên cạnh chỉ báo MACD thu hẹp với đường signal, hàm ý động lượng tăng suy yếu. Tuy nhiên, do khoảng “gap giảm” lớn vào ATC, vận động có khả năng trở lại kiểm định vùng 1970 – 1980. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1968. Vị thế Long cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố trên ngưỡng 1982
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1879.1, tăng 12.0 điểm (+0.6%). Độ lệch basis 18.2 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 126 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1870 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1895 điểm.

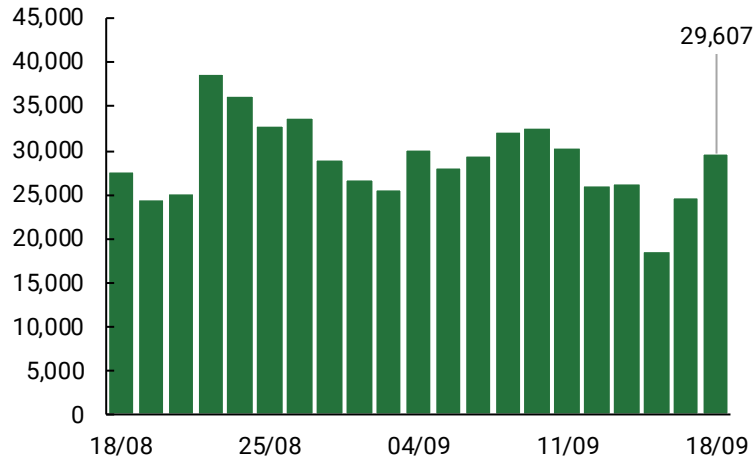
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1982	1996	1974	14 : 8
Short	< 1968	1954	1975	14 : 7

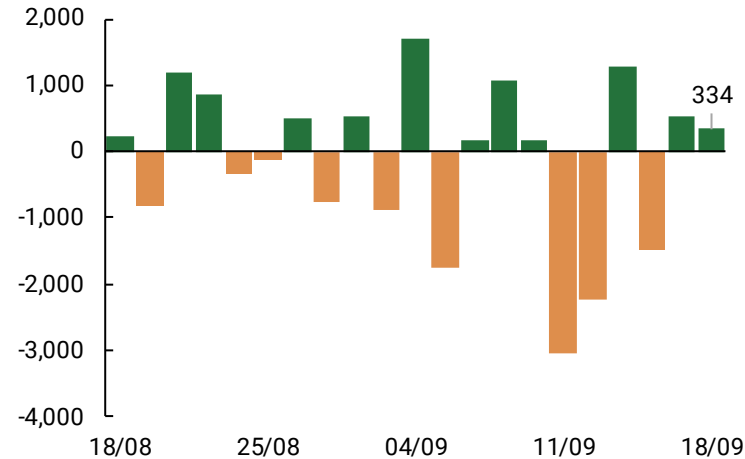
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,970.0	-3.0	84	274	1,981.5	-11.5	18/03/2027	181
4111GC000	1,978.0	3.3	170	692	1,972.8	5.2	17/12/2026	90
4111GB000	1,979.0	-5.3	189	59	1,970.1	8.9	19/11/2026	62
4111GA000	1,970.0	-7.0	205,501	29,607	1,966.7	3.3	15/10/2026	27
4112GA000	1,879.1	12.0	126	69	1,863.3	15.8	15/10/2026	27

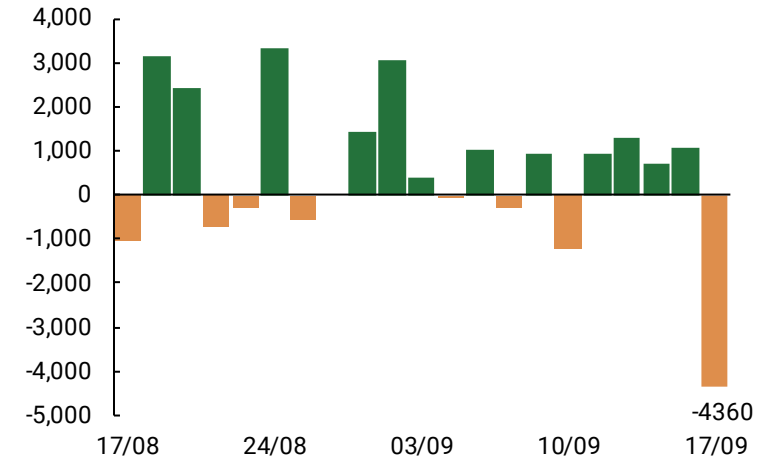
Khối lượng mở (Open interest)



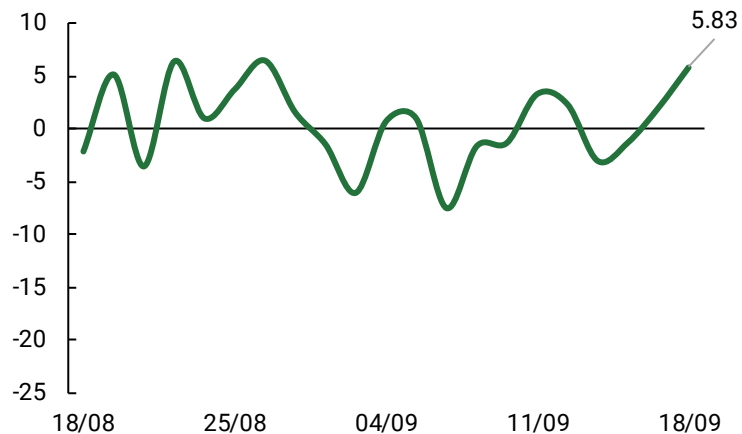
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



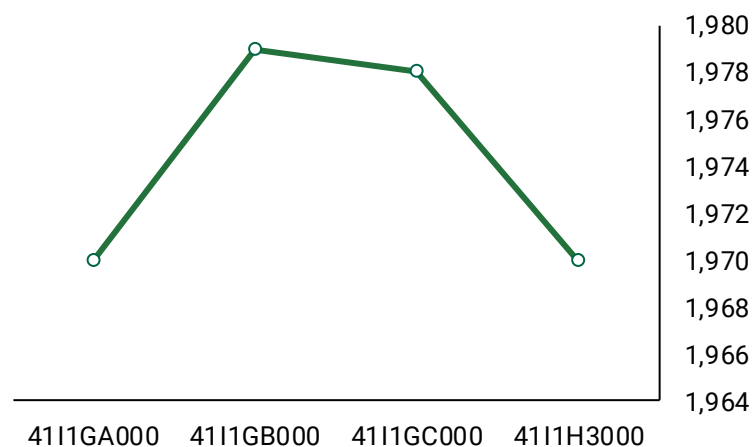
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



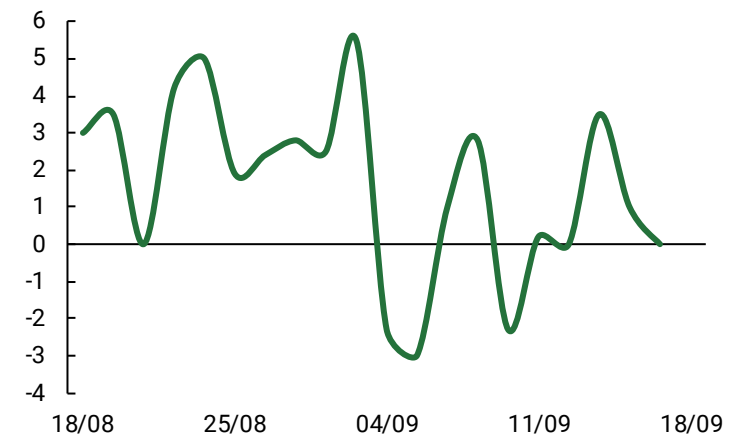
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



- 01/09 Mỹ, Việt Nam – Chỉ số PMI
Việt Nam – Danh mục MSCI có hiệu lực
- 03/09 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 8/2026
- 04/09 Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 09/09 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10 – Mỹ – Chỉ số PPI, CPI
- 11/09 EU – ECB công bố lãi suất
- 12/09 Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục
- 15/09 Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
- 17/09 Mỹ – Fed công bố lãi suất
Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
- 21/09 Trung Quốc – Lãi suất LPR
Việt Nam – Chính thức nâng hạng FTSE Russell
- 24/09 Thượng đỉnh Mỹ - Trung
Thụy Sĩ – SNB công bố lãi suất
- 30/09 Mỹ – GDP Q2 lần 3, Chỉ số PCE

THÔNG TIN VĨ MÔ

Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đạt 137.42 tỷ USD sau 8 tháng: Theo số liệu Hải quan Việt Nam, tổng kim ngạch thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ đạt khoảng 137.42 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026, tăng 23.4% so với cùng kỳ. Hợp tác đầu tư cũng ghi nhận tín hiệu tích cực khi lũy kế đến cuối tháng 7/2026, Hoa Kỳ có 1,587 dự án còn hiệu lực tại Việt Nam với tổng vốn đăng ký khoảng 12.5 tỷ USD. Riêng 7 tháng đầu năm, vốn đăng ký của nhà đầu tư Hoa Kỳ đạt khoảng 437.6 triệu USD với 86 dự án cấp mới, tăng 67.9%.

BOE giữ nguyên lãi suất dù lạm phát vượt xa mục tiêu: Ngày 17/9, Ngân hàng Trung ương Anh giữ nguyên lãi suất, dù lạm phát tháng 8 của Anh ở mức 3.1%, cao hơn mục tiêu 2% của BOE. Thị trường trước đó đặt cược 76% khả năng BOE giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp này, nhưng nghiêng về khả năng BOE sẽ tăng lãi suất ít nhất 0.25 điểm phần trăm tại cuộc họp tháng 11. BOE cho biết giá năng lượng toàn cầu tăng cao mới tác động hạn chế đến giá cả và tiền lương, nhưng tác động đối với lạm phát có thể lớn hơn nếu biến động kéo dài.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

SSI - Vốn điều lệ vượt 30,000 tỷ đồng: Chứng khoán SSI thông qua việc đăng ký tăng vốn điều lệ và cập nhật thông tin tại Sở Tài chính TP.HCM. Sau thay đổi, vốn điều lệ của SSI tăng từ hơn 25,030 tỷ đồng lên hơn 30,032 tỷ đồng, tương ứng tăng thêm khoảng 5,002 tỷ đồng. Nguồn tăng vốn đến từ đợt phát hành hơn 500.2 triệu cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

DGW - Chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 30%: Digiworld được ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch chi trả cổ tức năm 2026 bằng tiền mặt với tỷ lệ 30%, tương ứng 3,000 đồng/cp. Doanh nghiệp dự kiến chi trả thành 3 đợt, mỗi đợt 1,000 đồng/cp, lần lượt vào quý IV/2026, quý I/2027 và quý II/2027. Trước đó, DGW đã hoàn tất phát hành 2.2 triệu cổ phiếu ESOP, nâng vốn điều lệ lên 2,235 tỷ đồng.

HBC - Phân phối hơn 51 triệu cổ phiếu để hoán đổi nợ: Xây dựng Hòa Bình sẽ phát hành hơn 51.4 triệu cổ phiếu để hoán đổi khoản nợ gần 514.2 tỷ đồng cho 99 chủ nợ. Tỷ lệ hoán đổi là 1 cổ phiếu cho 10,000 đồng nợ; toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm. Đây là bước tiếp theo trong quá trình tái cấu trúc nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp xây dựng này.

PHR - Định hướng chuyển đổi quỹ đất sang KCN, điện mặt trời và nông nghiệp công nghệ cao: Cao su Phước Hòa cho biết đang quản lý khoảng 15,600 ha đất nông nghiệp và định hướng chuyển đổi một phần sang khu công nghiệp, năng lượng tái tạo và nông nghiệp công nghệ cao. Doanh nghiệp đã đưa hơn 3,800 ha vào quy hoạch KCN, đồng thời nộp hồ sơ đề xuất 3 dự án điện mặt trời với tổng công suất khoảng 104 MW. PHR cũng dự kiến triển khai dự án trồng chuối đầu tiên quy mô 300 ha từ cuối năm 2026 hoặc đầu năm 2027.

BCG - Cổ đông chất vấn về dòng tiền và nguy cơ phá sản: Tại ĐHĐCĐ bất thường, cổ đông Bamboo Capital đặt nhiều câu hỏi xoay quanh dòng tiền, số phận cổ phiếu, trách nhiệm sau khi mất tư cách công ty đại chúng và khả năng tiếp tục hoạt động. Ban lãnh đạo khẳng định BCG không giải thể hay phá sản, nhưng thừa nhận việc mất tư cách công ty đại chúng đã ảnh hưởng đến niềm tin thị trường và khả năng tiếp cận vốn. Công ty hiện vẫn chưa đưa ra thời điểm cụ thể hoàn tất BCTC kiểm toán 2024.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	30,200	31,150	3.1%	Nắm giữ
CTG	30,250	40,700	34.5%	Mua
CTD	59,000	82,900	40.5%	Mua
DBD	46,750	66,000	41.2%	Mua
DDV	16,923	35,900	112.1%	Mua
DGW	45,500	47,500	4.4%	Nắm giữ
DPG	27,100	42,300	56.1%	Mua
DPR	37,850	46,500	22.9%	Mua
DRI	14,802	17,200	16.2%	Tăng tỷ trọng
EVF	11,800	14,400	22.0%	Mua
FRT	130,900	151,000	15.4%	Tăng tỷ trọng
GMD	77,300	88,900	15.0%	Tăng tỷ trọng
HAH	47,950	58,300	21.6%	Mua
HDG	16,100	30,900	91.9%	Mua
HHV	9,410	11,700	24.3%	Mua
HPG	21,550	31,600	46.6%	Mua
IMP	38,050	54,400	43.0%	Mua
KDH	15,800	38,800	145.6%	Mua
MCH	143,000	148,500	3.8%	Nắm giữ
MWG	72,500	115,600	59.4%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	19,900	27,500	38.2%	Mua
NLG	24,100	39,400	63.5%	Mua
NT2	20,800	27,700	33.2%	Mua
PHR	31,550	39,500	25.2%	Mua
PNJ	36,750	75,500	105.4%	Mua
PVS	33,300	33,250	-0.2%	Giảm tỷ trọng
PVT	22,800	26,000	14.0%	Tăng tỷ trọng
POW	12,600	17,500	38.9%	Mua
SAB	44,300	54,900	23.9%	Mua
SSI	21,400	31,200	45.8%	Mua
TLG	54,300	50,000	-7.9%	Giảm tỷ trọng
TCB	31,600	41,700	32.0%	Mua
TCM	16,200	35,300	117.9%	Mua
TRC	21,800	22,950	5.3%	Nắm giữ
VCB	59,900	79,700	33.1%	Mua
VPB	27,450	36,500	33.0%	Mua
VCG	14,400	23,300	61.8%	Mua
VHC	50,100	58,000	15.8%	Tăng tỷ trọng
VNM	61,200	66,650	8.9%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801